

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 3  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2025/LĐ-ST

Ngày: 15 – 8 – 2025

“Tranh chấp về tiền lương, bảo hiểm xã hội  
sau khi chấm dứt hợp đồng lao động”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – TÂY NINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Văn Công Thức

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Nguyễn Thanh Hoàng.

2. Bà: Nguyễn Thị Rạt

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Tây Ninh.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 250/2024/TLST – LĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp về tiền lương sau khi chấm dứt hợp đồng lao động”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST – LĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST-LĐ ngày 01/8/2025, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1994;

CCCD số: 0801940158309.

Địa chỉ: Ấp E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Địa chỉ hiện nay: Ấp E, xã M, tỉnh Tây Ninh (xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn S.

Địa chỉ trụ sở: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Địa chỉ hiện nay: ấp B, xã Đ, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông W (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm xã hội tỉnh T (Kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của BHXH tỉnh L).

Địa chỉ trụ sở: Số H, T, phường T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Quang T – Chức vụ: Phó Giám đốc (xin vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Bà Nguyễn Thị L xin xét xử vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 11 năm 2024, đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 09/7/2025 và quá trình giải quyết vụ án, bà L trình bày:*

Nguyên vào năm 2022, bà vào làm việc cho Công ty TNHH S, địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An, hai bên có giao kết hợp đồng lao động.

Trong thời gian làm việc tại công ty, bà luôn hoàn thành công việc được giao. Đến cuối năm 2023, Công ty hết đơn hàng và không có doanh thu nên Công ty có nợ lại tiền lương của công nhân lao động trong đó có bà. Công ty hứa sẽ cố gắng thanh toán tiền lương và tiền bảo hiểm cho bà và động viên tiếp tục làm việc cho Công ty.

Vì đã làm việc cho Công ty nhiều năm nên bà cũng đồng ý tiếp tục ở lại làm việc cho công ty. Đến đầu tháng 3 năm 2024, tình trạng công ty N tồi tệ, không có đơn hàng sản xuất nên tạm thời đóng cửa và chuyển sang đơn vị kinh doanh ở khu công nghiệp T và yêu cầu bà viết đơn xin nghỉ việc.

Công ty còn hứa là sẽ trả lương, Bảo hiểm cho bà theo "Biên bản làm việc" ngày 20/03/2024, giữa Công ty S với người lao động theo như thỏa thuận sau:

- Trong tháng 3 năm 2024, công ty sẽ thanh toán 70% lương của tháng 12 năm 2023 và 50% của lương tháng 01 năm 2024.

- Trong tháng 04/2024, Công ty sẽ trả 50% tiền lương tháng 01/2024 và thanh toán hết phần nợ cơ quan BHXH.

- Trong tháng 05/2024, Công ty sẽ trả 100% tiền lương tháng 02/2024.

Kể từ ngày Biên bản làm việc kết thúc, cho đến nay Công ty S vẫn còn nợ tiền lương và tiền Bảo hiểm của bà, cụ thể như sau:

+ 50% tiền lương tháng 01/2024 là 4.066.291 đồng.

+ Tiền lương tháng 02/2024 là 5.310.397 đồng.

Tổng cộng là 9.376.687 đồng.

- Tiền Bảo hiểm tính từ tháng 02/2023 đến tháng 02/2024, với tổng số tiền là 16.422.431 đồng, cụ thể như sau:

- + Tiền nợ Bảo hiểm xã hội 14.533.125 đồng.
- + Tiền bảo hiểm thất nghiệp là: 581.325 đồng
- + Tiền Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là 261.956 đồng.
- + Tiền Bảo hiểm y tế là 1.046.385 đồng.

Sau đó, bà nhiều lần liên hệ với Công ty để yêu cầu thanh toán số tiền lương còn lại và tiền Bảo hiểm nhưng Công ty cứ hên lần hên lượt và né tránh không trả tiền lương và tiền bảo hiểm.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, Long An xem xét và giải quyết buộc Công ty TNHH S JU PLUS VINA phải thanh toán các khoản, cụ thể như sau:

- + 50% tiền lương tháng 01/2024 là 4.066.291 đồng.
- + Tiền lương tháng 02/2024 là 5.310.397 đồng.

Tổng cộng là 9.376.687 đồng.

- Tiền Bảo hiểm xã hội tính từ tháng 02/2023 đến tháng 02/2024, với tổng số tiền là 16.422.431 đồng, cụ thể như sau:

- + Tiền nợ Bảo hiểm xã hội 14.533.125 đồng.
- + Tiền bảo hiểm thất nghiệp là: 581.325 đồng
- + Tiền Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là 261.956 đồng.
- + Tiền Bảo hiểm y tế là 1.046.385 đồng.

Tổng số tiền lương, bảo hiểm là 25.799.118 đồng.

*Ngày 09/7/2025, bà L có đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện như sau:*

Buộc Công ty TNHH S PLUS VINA thanh toán cho bà tiền lương còn nợ là 9.376.687 đồng và tiền bảo hiểm xã hội là 16.422.431 đồng, yêu cầu trả một lần ngay sau khi có bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt, không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh L (Nay là BHXH tỉnh T) xin vắng mặt nhưng có văn bản trình bày: xác nhận bà Nguyễn Thị L có tham gia BHXH, BHTN theo mã số BHXH 8012016399 (đính kèm phụ lục quá trình đóng BHXH, BHTN). Để xác nhận sổ BHXH cho người lao động đến thời gian nghỉ việc, đơn vị đóng đủ số tiền phải đóng và tiền lãi chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN. Theo đó, tổng số tiền phải đóng BHXH, BHTN, BHYT phải đóng và lãi*

chậm đóng tính đến hết tháng 6 năm 2025 của bà Nguyễn Thị L là 17.012.931 đồng, trong đó lãi chậm đóng là 2.450.927 đồng.

*Quan điểm Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

*Về thủ tục tố tụng:* Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ.

*Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Tranh chấp về tiền lương và bảo hiểm xã hội sau khi chấm dứt hợp đồng lao động*” được quy định tại Điều 13 Bộ luật Lao động 2019, Điều 86 Luật Bảo hiểm xã hội. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự. Công ty TNHH S có trụ sở tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh) thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về tố tụng và phạm vi giải quyết vụ án:*

- Vụ án thuộc trường hợp phải có đại diện Viện kiểm sát cùng cấp tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Việc thông báo thụ lý, triệu tập người tham gia tố tụng; thông báo, tổng đạt văn bản tố tụng; kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đã được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình tham gia tố tụng, các đương sự đã được đảm bảo thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình khi tham gia vụ án theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

[3]. Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

#### **3.1 Xét Hợp đồng lao động:**

Theo các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp như sổ BHXH, biên bản làm việc của Đoàn công tác liên ngành huyện Đ, tỉnh Long An (cũ), chứng cứ mà Tòa án thu thập, thể hiện giữa Công ty TNHH S và bà Nguyễn Thị L có giao kết hợp đồng lao động có xác định thời hạn, là quan hệ lao động theo quy định tại Điều 20 của Bộ luật Lao động năm 2019. Xét đây là hợp đồng lao động có hình thức, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, các chủ thể tự

nguyên ký kết là giao dịch hợp pháp nên Hợp đồng lao động có giá trị pháp lý ràng buộc quyền, nghĩa vụ giữa các bên.

Quá trình thực hiện Hợp đồng lao động, bà L làm việc tại Công ty TNHH S theo thời hạn thỏa thuận tại hợp đồng. Mức lương chính là 5.813.250 đồng/tháng (Chưa bao gồm các khoản phụ cấp, hỗ trợ kèm theo). Do Công ty T1 không đầy đủ nên phát sinh tranh chấp hợp đồng lao động.

### 3.2. Xét yêu cầu đòi nợ lương của nguyên đơn:

Theo biên bản làm việc ngày 20/3/2024 của Đoàn công tác liên ngành huyện Đ, tỉnh Long An (cũ) đối với người sử dụng lao động. Nội dung của biên bản làm việc thể hiện Công ty TNHH S thừa nhận còn nợ lương của tháng 12 năm 2023, lương tháng 01 và tháng 02 của năm 2024 đối với người lao động và cam kết đến hết tháng 05 năm 2024 sẽ thanh toán hết tiền lương cho người lao động.

Tuy nhiên, cho đến thời điểm người lao động khởi kiện tại Tòa án thì Công ty TNHH S vẫn còn nợ lương của người lao động. Quá trình tố tụng, bị đơn không đến tòa, không xuất trình tài liệu, chứng cứ gì chứng minh là đã thanh toán xong tiền lương của người lao động. Do vậy, bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH S phải thanh toán  $\frac{1}{2}$  lương tháng 01 năm 2024 và tiền lương của tháng 2 năm 2024 là có căn cứ, phù hợp với Điều 48 của Bộ luật Lao động năm 2019 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

### [3]. Về các khoản bảo hiểm:

Căn cứ theo Bản ghi quá trình đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của bà Nguyễn Thị L (Mã số BHXH: 8012016399) do Cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L (cũ) cung cấp ngày 17/6/2025, thể hiện:

Người lao động Nguyễn Thị L, mã số BHXH: 8012016399) có quá trình tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp tại Công ty TNHH S. Như vậy, để xác nhận sổ BHXH cho người lao động đến thời gian nghỉ việc, đơn vị đóng đủ số tiền phải đóng và tiền lãi chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN. Theo đó, tổng số tiền BHXH, BHYT, BHTN phải đóng tính đến hết tháng 6/2025 của bà Nguyễn Thị L là 17.012.931 đồng, trong đó lãi chậm đóng là 2.450.927 đồng.

Do đó, bà Nguyễn Thị L khởi kiện Công ty TNHH S tham gia, đóng bảo hiểm xã hội cho bà là phù hợp với Điều 86 của Luật bảo hiểm xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm có giá ngạch sung ngân sách nhà nước là đúng quy định.

*Vì các lẽ trên.*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Lao động; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 21, Điều 85, Điều 86 và khoản 2 Điều 89, khoản 3 Điều 122 Luật bảo hiểm xã hội;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

### *Tuyên xử:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc: “*Tranh chấp về tiền lương sau khi chấm dứt hợp đồng lao động và bảo hiểm xã hội*” với Công ty Trách nhiệm hữu hạn S.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn S phải thanh toán (1/2 tháng tiền lương 01 và lương 02/2024) cho bà Nguyễn Thị L số tiền là 9.376.687 đồng.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn S có trách nhiệm tham gia, đóng bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị L theo sổ BHXH số 8012016399 tính đến hết tháng 6/2025 là 17.012.931 đồng (trong đó lãi chậm đóng là 2.450.927) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất Luật Bảo hiểm xã hội quy định.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự trong công tác thi hành án trên số tiền lương chậm trả.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn S phải chịu 810.387 đồng án phí lao động sơ thẩm sung ngân sách nhà nước.

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

### 3. Về quyền kháng cáo

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV 3;
- Phòng THADS KV 3;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Đã ký

**Văn Công Thức**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ    THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh H–Nguyễn Thị Rạt Nguyễn Hữu Q**

